

Đại dương và Luật quốc tế hiện đại

Lê Văn Bính*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 09 tháng 12 năm 2008

Tóm tắt. Tìm hiểu đại dương và chế độ pháp lý của nó từ góc cạnh của Luật quốc tế hiện đại là cần thiết. Điều đó không chỉ vì đại dương chiếm gần 3/4 diện tích bề mặt trái đất, mà nó còn là sự sống, là hiểm họa đối với con người. Chúng tôi chọn “Đại dương và Luật quốc tế hiện đại” để trao đổi cùng người đọc.

1. Đại dương và những thách thức mới⁽¹⁾

Từ cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI là giai đoạn của các thành tựu về khoa học kỹ thuật, về toàn cầu hoá các quan hệ quốc tế và về

nền kinh tế tri thức. Thế giới đã hình thành “khoảng không gian chung” về thông tin - pháp lý và về kinh tế - tài chính, trong đó có cách nhìn tiệm cận chung về đảm bảo các quyền của con người, của các dân tộc và của các quốc gia. Chính trong các điều kiện đó, an ninh cộng đồng quốc tế cũng phải đối mặt với những mạo hiểm mới, những thách thức mới và những hiểm họa mới. Các vấn đề đó có thể là: các xung đột trong phạm vi của quốc gia hoặc trong nội khối của các tổ chức quốc tế; khủng bố quốc tế; các hoạt động tội phạm có tổ chức; nguy cơ phổ biến vũ khí giết người hàng loạt; khủng hoảng kinh tế-tài chính toàn cầu; hiểm họa môi trường; buôn bán ma túy; và dịch tả trên quy mô lớn. Tất cả các sự kiện nói trên, trong một chừng mực nào đó có liên quan đến đại dương và Luật biển quốc tế.

Khó đánh giá hết tầm quan trọng của đại dương và vai trò của nó đối với đời sống con người. Vì đại dương là ngôi nhà chung, là cầu nối giữa các lục địa và giữa các nền văn minh của nhân loại, là tuyến đường giao thông thủy đặc biệt quan trọng được tạo thành từ các vùng biển với các chế độ pháp lý khác nhau. Trong đó phần lớn là biển cả, vùng biển không thuộc chủ quyền của bất cứ một quốc gia nào. Điều

* ĐT: 84-4-38219284.

E-mail: binhlv@vnu.edu.vn

⁽¹⁾ Tìm đọc thêm: The Law of the Sea. Progress and Progress. Ed. by D. Freestone, R. Barnes, D. Ong. Oxford University Press, 2006; Churchill R.R., Lowe A.V. The law of the sea. 3rd ed. Manchester University Press, 1999; Public International Law. An Australian Perspective. 2nd ed./Ed. By Sam Blay, Ryszard Piotrowicz, Martin Tsamenyi. Oxford University Press, 2005; Reuter P. Le développement de l'ordre Juridique international. Ecrits de droit international. Paris: Economica, 1995; Bolla Alexander J., Duff John A., McDorman Ted L. International Ocean Law: Materials and Commentary. Carolina Academic Press, 2004; The law of the sea/ Ed. with an Introduction by U.N. Gupta. Vol.II. New Delhi, 2005; Evans M.D. International Law. 2nd ed. Oxford University Press, 2006; Cobalev A.A. Luật biển quốc tế hiện đại và việc áp dụng trong thực tiễn. M., 2003; Bicisev C.A. Luật biển quốc tế//Giáo trình công pháp quốc tế. M., 2004; Calotcin A.L. Luật biển quốc tế//Giáo trình công pháp quốc tế. M., 2001; Gusuliac V.N. Luật biển quốc tế (công pháp và tư pháp). M., 2006; Calotcin A.L., Gusuliac V.N. Luật biển quốc tế//Giáo trình Luật quốc tế. M., 2003; Covaleva A.A., Checnicenco S.V. Luật quốc tế. M., 2006; Scaridov A.S. Luật biển. Xanh - Petebua., 2006.



đó được thể hiện trong nguyên tắc tự do biển cả: tự do thủy vận; tự do hàng không; tự do lắp đặt dây cáp, ống dẫn ngầm; tự do đánh cá; tự do nghiên cứu khoa học; tự do xây dựng các đảo và lắp đặt các công trình nhân tạo. Tự do biển cả không có nghĩa là tự do một cách tuyệt đối, mà tự do phải phù hợp với định chế của Công ước Liên hợp quốc (LHQ) về Luật biển năm 1982 (sau đây gọi là Công ước năm 1982) và các quy phạm khác của Luật quốc tế [1]. Tự do hợp tác trong khai thác và sử dụng biển cả một cách hợp lý, vì mỗi quốc gia là một thành viên của cộng đồng quốc tế nên quyền tự do biển cả cần tính đến sự hài hoà về lợi ích giữa các quốc gia. Nguyên tắc tự do biển cả (Điều 87) là quy phạm có tính chất mệnh lệnh của Luật biển quốc tế nên các quốc gia không thể tự thỏa thuận với nhau để thay đổi nó [2]. Đây là nguyên tắc vô cùng quan trọng, trực tiếp giải quyết một vấn đề có tính toàn cầu đó là nhân loại cùng nghiên cứu và sử dụng đại dương phục vụ lợi ích cộng đồng.

Trong thế giới hiện đại, ngành thủy vận quốc tế đã ngày một trở nên quan trọng trong hoạt động thông thương giữa các quốc gia, điều đó được khẳng định bằng tỷ trọng hàng hoá vận chuyển bằng đường biển ngày càng tăng⁽²⁾. Thế giới ngày càng đa cực, nhưng không vì thế mà hoà bình và an ninh quốc tế được trường tồn. Do đó các vấn đề về đại dương, về luật pháp quốc tế và hẹp hơn là Luật biển quốc tế hiện đại luôn được cộng đồng đặc biệt quan tâm.

Thuật ngữ “*những thách thức mới và những hiểm hoạ mới*” đã được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng quốc tế. Trong đó, thường người ta đề cập đến các vấn đề: về đói nghèo; bệnh tật; giảm dân số; lan chuyen rộng chất ma tuý; rửa tiền; bảo hiểm xã hội thấp; vi phạm các quyền cơ bản của con người; sự nguy hiểm đối với thảm hoạ hạt nhân; nội chiến và các xung đột

khu vực có nguy cơ tiềm ẩn trở thành phổ biến toàn cầu; và môi trường sống ngày một xấu đi. Khủng bố ngày càng nguy hiểm hơn với tiềm ẩn sử dụng vũ khí giết người hàng loạt và bên cạnh đó là xung đột sắc tộc và tôn giáo sâu sắc.

Để giải quyết các vấn đề nói trên, theo sáng kiến của Tổng thư ký K. Anna, một Ủy ban đặc biệt về các vấn đề toàn cầu: “*những thách thức mới và những hiểm hoạ mới*” đã được thành lập và đã nhận được hiến kế của Tổng thống Nga, V.V... Putin. Hiến kế đó đã được cụ thể bằng một dự thảo về định hướng nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của LHQ trong việc bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng quốc tế⁽³⁾.

Các vấn đề “*những thách thức mới và những hiểm hoạ mới*” đã được Nhóm “Thế giới ngày càng bình yên: trách nhiệm to lớn của chúng ta” báo cáo tại cuộc họp lần thứ 59 Đại hội đồng Liên hợp quốc (LHQ) (2004) với cơ cấu gồm 6 chương: 1). Chiến tranh giữa các quốc gia; 2). Xung đột trong nội bộ các quốc gia, bao gồm cả nội chiến xảy ra trên phạm vi lớn, vi phạm các quyền của con người và sự diệt chủng; 3). Đói nghèo, bệnh truyền nhiễm, bệnh tật, sự xuống cấp ngày càng trầm trọng của môi trường; 4). Vũ khí hạt nhân, phóng xạ, vũ khí sinh-hoá học; 5). Khủng bố; 6). Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Các sự kiện liên quan đến đại dương trong những năm gần đây đã phần nào minh chứng thêm cho báo cáo trên, đó là nguy cơ đe dọa ngành thủy vận và cuộc sống của con người trên biển: những tên khủng bố Chechen chiếm phà của Thổ Nhĩ Kỳ “Avrasia” năm 1996; vụ khủng bố nổ tàu khu trục Mỹ “Coul” năm 2000; vụ tàu chở dầu của Pháp “Limbia” năm 2002; các vụ cướp biển của hải tặc Somalia (như vụ bắt giữ tàu chở vũ khí MV Faina của Ukraine; và tàu chở dầu siêu lớn Sirius Star của Saudi Arabia) trong thời gian gần đây (2008) ở vùng vịnh Aden đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát của khu vực. Các sự kiện đó đòi hỏi phải có sự nhập cuộc của LHQ, mặc dù Hội đồng Bảo an LHQ

⁽²⁾ Tìm đọc: United Nations Conference on the Trade and Development, Geneva. Review of Maritime Transport, 2005, Report by the UNCTAD secretariat/UN. New York and Geneva, 2005; Báo cáo tóm tắt của Ban thư ký Liên hợp quốc về vận tải biển năm 2004 tại Hội nghị của Liên hợp quốc về thương mại và phát triển. Geneva, 2004.

⁽³⁾ Tìm đọc: Izovetia, 2003. Ngày 03 tháng 12 r



đã thông qua 4 Nghị quyết cho phép tấn công hải tặc⁽⁴⁾. Trên thực tế NATO, Mỹ, Trung Quốc và các quốc gia Châu Âu đã trực tiếp tham gia chống cướp biển tại khu vực này⁽⁵⁾. Như vậy, khủng bố nhằm vào các tuyến đường giao thông thủy, vào các tàu và các hải cảng có thể là nguyên nhân làm bất ổn về tình hình chính trị và làm tê liệt nền kinh tế thế giới, vì vận tải biển ngày càng phát triển theo hướng tự do hoá (kể cả vận tải trong khuôn khổ WTO/GATS) như là một ngành công nghiệp thúc đẩy sự tăng trưởng thương mại toàn cầu.

Cộng đồng quốc tế đã thông qua các biện pháp cứng rắn nhằm đối phó với khủng bố quốc tế và chấm dứt việc chuyên chở bằng đường biển các loại vũ khí giết người hàng loạt, ma túy và các loại hàng cấm khác. Dưới sự bảo trợ của Tổ chức biển quốc tế và trên cơ sở Công ước về đấu tranh với các hành vi chống an ninh hàng hải quốc tế, bước đầu cộng đồng quốc tế đã thông qua Nghị định thư bổ sung cho Công ước này vào năm 2005 và Nghị định thư về đấu tranh với các hành vi chống an ninh các công trình ở thềm lục địa năm 1988.

Chúng ta biết rằng, đại dương với các chế độ pháp lý khác nhau có thể được sử dụng để đề phòng các cú (học thuyết) đánh phủ đầu (the legal doctrine of preemptive strikes). Mặc dù, điều 51⁽⁶⁾ Hiến chương LHQ đã ghi nhận về quyền tự vệ của các quốc gia, nhưng thế giới đã, đang và còn tiếp tục phân tích về điều 51 và

⁽⁴⁾ Đọc thêm: Báo Pháp luật, Số 351 (1868), 23.12.2008, Tr.16.

⁽⁵⁾

http://vietbao.vn/index2.php?option=com_content&task=view&id=62247206&pop=1&p...

⁽⁶⁾ Điều 51 Hiến chương LHQ quy định “Không có một điều, khoản nào trong Hiến chương này làm tổn hại đến quyền tự vệ chính đáng của cá nhân hay tập thể trong trường hợp thành viên LHQ bị tấn công vũ trang cho đến khi HĐBA chưa áp dụng những biện pháp cần thiết để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế. Những biện pháp mà các thành viên LHQ áp dụng trong việc bảo vệ quyền tự vệ chính đáng ấy phải được báo ngay cho HĐBA và không được làm ảnh hưởng gì đến quyền hạn và trách nhiệm của HĐBA. Chiều theo Hiến chương này, bất kỳ lúc nào HĐBA áp dụng những hành động mà Hội đồng thấy cần thiết để duy trì hoặc khôi phục hoà bình và an ninh quốc tế”.

việc áp dụng nó như thế nào trong từng sự kiện quốc tế cụ thể. Ngoài ra, là vai trò và các quyết định của Hội đồng Bảo an LHQ cũng như các vấn đề khác liên quan đến đánh phủ đầu. Chính vì vai trò và trọng trách của Hội đồng Bảo an đối với hoà bình và an ninh quốc tế, cũng như nhiều sự kiện quốc tế đã diễn ra trong thời gian qua nên cộng đồng quốc tế đã đặt ra những vấn đề cấp thiết như: cần cải tổ Hội đồng Bảo an, về các tiêu chí phòng ngừa sử dụng vũ lực, điều kiện cụ thể cho cuộc tấn công tất yếu xảy ra. Tất cả điều đó đều có quan hệ trực tiếp với các hành vi trên biển.

2. Pháp điển hoá Luật biển quốc tế⁽⁷⁾

Đại dương và quy chế pháp lý của nó luôn được các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ đặc biệt chú ý. Chẳng hạn như, quy chế pháp lý của vùng nước nội thủy và vùng lãnh hải do Viện Luật quốc tế, hiệp hội Luật quốc tế (châu Mỹ, Ý, Nam Tư, các hiệp hội Luật biển) và các tổ chức quốc tế thực hiện. Năm 1930, Hội quốc liên đã tổ chức Hội nghị quốc tế về pháp điển hoá Luật quốc tế, nhưng kết quả đạt được không nhiều, chỉ công nhận quốc gia ven biển có lãnh hải riêng với ít nhất là 3 hải lý và một vùng tiếp giáp. Do vậy, trong một thời gian dài, chiều rộng lãnh hải mà các quốc gia tự xác định rất khác nhau. Ví dụ, từ thế kỷ 18 đến giữa thế kỷ 20, lãnh hải của Anh, Mỹ, Pháp và nhiều quốc gia khác có chiều rộng là 3 hải lý, Na Uy là 4 hải lý, Tây Ban Nha là 6 hải lý, các nước châu Mỹ-La-Tinh như Pêru, Chilê, Ecuador đã mở rộng lãnh hải của mình đến 200 hải lý⁽⁸⁾.

Từ khi thành lập, LHQ luôn chú trọng đến xây dựng Luật biển quốc tế, do đó đã thực hiện được những bước đi quan trọng và cụ thể. Đó là 3 lần tổ chức hội nghị quốc tế về biển vào các năm 1958, năm 1960 và 1973-1982. Tại hội nghị quốc tế về Luật biển được tổ chức ở

⁽⁷⁾ Tìm đọc: S.V. Molsov, Lịch sử biển quốc tế, pháp điển hoá. M., 1987. Tr.67-68.

⁽⁸⁾ <http://vi.wikipedia.org/>



Gionevo năm 1958, lần đầu tiên một hội nghị quốc tế được tổ chức với quy mô mở và bàn luận về chế độ pháp lý quốc tế của đại dương và chi tiết hoá việc sử dụng các vùng biển của đại dương. Hội nghị đã nghiên cứu các dự thảo quy chế về biển mà Ủy ban LHQ về Luật biển đã chuẩn bị. Trên cơ sở đó Hội nghị đã thông qua được 4 Công ước điều chỉnh chế độ pháp lý các vùng biển và việc đánh bắt cá ở thế giới đại dương: 1). Công ước về lãnh hải và vùng tiếp giáp; 2). Công ước về thềm lục địa; 3). Công ước về biển quốc tế; và 4). Công ước về đánh bắt cá và bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật ở biển cả. Nhưng đó là một kết quả còn khá khiêm tốn vì đại dương đang còn rất nhiều vấn đề cấp thiết mà Hội nghị lần này còn chưa đồng thuận.

Về bản chất, Hội nghị đã pháp điển hoá phần lớn các quy phạm luật biển quốc tế hiện đại, lựa chọn các quy phạm dưới dạng tập quán pháp quốc tế và các quy phạm điều ước điều chỉnh các quan hệ về chế độ pháp lý các vùng biển và các hoạt động khác nhau ở thế giới đại dương. Trong phần giới thiệu của Công ước về biển cả đã nhấn mạnh rằng nội dung của Công ước có tính chất như Tuyên bố chung về các nguyên tắc của Luật quốc tế, điều đó cũng có nghĩa là nội dung Công ước đã phản ánh bản chất luật tập quán chung. Công ước về biển cả đã đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cái nhìn tổng quát của cộng đồng về biển cả, cũng như lấy kết quả làm cơ sở để phát triển Luật biển quốc tế⁽⁹⁾.

Có thể nhận thấy rằng, việc thông qua các Công ước Gionevo đã khẳng định Luật quốc tế đã bước sang một giai đoạn phát triển tiến bộ, vì: *Một là*, trong Công ước về thềm lục địa, lần đầu tiên trong lịch sử pháp lý có các quy phạm phối hợp ở tầm quốc tế về đặc quyền của các quốc gia ven biển trong quản lý nguồn tài nguyên ở thềm lục địa và về giới hạn chiều rộng của nó. Mặc dù trong giai đoạn sau đó, cùng với sự phát triển tiến bộ của khoa học kỹ thuật và công nghệ, các quốc gia mong muốn

thiết lập giới hạn mới về chiều rộng của thềm lục địa bằng các tiêu chí mới cho phù hợp với luật quốc tế hiện đại và với vị thế của từng quốc gia (cần nhấn mạnh rằng, cho đến nay có 2 điều ước quốc tế cơ bản điều chỉnh quy chế thềm lục địa là: Công ước Gionevo năm 1958 về thềm lục địa và Công ước năm 1982); *Hai là*, Công ước về vùng tiếp giáp cũng là một điểm nhấn mới trong luật quốc tế vì đây là lần đầu tiên các quy phạm về khái niệm và về quy chế pháp lý vùng tiếp giáp được ghi nhận trên cơ sở một điều ước quốc tế đa phương.

Hội nghị quốc tế về Luật biển lần thứ hai đã được tổ chức vào năm 1960, các quốc gia tham dự đã mất nhiều thời gian tranh luận về chiều rộng lãnh hải và vùng đánh cá cho các quốc gia ven biển, nhưng do bất đồng quan điểm giữa các quốc gia nên Hội nghị đã không đem lại kết quả, nhưng dù sao đó cũng là tiền đề cho Hội nghị lần sau.

Do sự đa dạng của hoạt động ở đại dương và kết quả tiến bộ của khoa học kỹ thuật, năm 1970 Đại hội đồng LHQ đã thông qua quyết định triệu tập Hội nghị LHQ vào năm 1973 [3]. Thủ tục Hội nghị LHQ về Luật biển lần thứ 3, ngày 16/11/1973, được Đại hội đồng LHQ thông qua bằng Thoả thuận bất thành văn-Hiệp ước quân từ [4]. Thành công của Hội nghị lần thứ 3 về Luật biển và việc chính thức thông qua Công ước năm 1982 là một sự kiện trọng đại nhất trong quan hệ quốc tế nói chung và Luật quốc tế hiện đại nói riêng. Hội nghị đã kéo dài từ năm 1973-1982, một kết quả mà nếu tính về thời gian thì chưa từng có tiền lệ trong lịch sử của các hội nghị quốc tế.

Công ước năm 1982 là điều ước quốc tế tổng hợp, là mốc lịch sử quan trọng trong lĩnh vực pháp điển hoá vì sự phát triển tiến bộ của các quy phạm pháp luật quốc tế, đồng thời quy định cụ thể hoá hơn so với Công ước năm 1958. Công ước năm 1982 đã quy định chế độ pháp lý của đại dương và điều chỉnh các dạng hoạt động cơ bản về sử dụng, nghiên cứu, khai thác và chinh phục đại dương phục vụ cho các điều kiện phát triển kinh tế-xã hội hiện đại nhấn mạnh rằng, lần đầu tiên trong (

⁽⁹⁾ Xem cụ thể thêm: L.V. Scalova, Khái niệm và quy chế pháp lý biển cả. M., 1988. -Tr. 11-14.



năm 1982 có những quy phạm rất đặc biệt (Điều 311) điều chỉnh “thăng bằng” quyền và lợi ích giữa các quốc gia khác nhau: các quốc gia hùng mạnh, các quốc gia công nghiệp phát triển, các quốc gia đang phát triển, và các quốc gia ven biển [6].

Như vậy, Luật biển quốc tế đã được pháp điển hoá trong một thời gian dài và có thể tóm tắt làm ba giai đoạn chính: giai đoạn 1, từ những năm 20 đến trước khi thành lập LHQ; giai đoạn 2, là từ khi LHQ bắt đầu hoạt động (1946) đến năm 1958; và giai đoạn 3, là từ giữa những năm 60 đến năm 1982⁽¹⁰⁾.

3. Phân loại các vùng biển⁽¹¹⁾

Theo Luật quốc tế hiện đại, đại dương được phân chia có điều kiện thành ba loại vùng biển

⁽¹⁰⁾ Nhiều nhà khoa học có các quan điểm phân chia các giai đoạn khác nhau. Ví dụ, theo Calotcin A.L. thì giai đoạn 1, là từ khi chuẩn bị và thông qua công ước về luật biển năm 1958; giai đoạn 2, từ sau công ước năm 1960; và giai đoạn 3, là từ khi chuẩn bị công ước năm 1982 (Xem.: Calotcin A.L. M., 1972. Tr. 26-30). Hoặc là, theo Gusuliac V.N. cho rằng, trong lịch sử phát triển luật biển quốc tế hiện đại có thể chia thành hai giai đoạn, giai đoạn 1 gắn với sự thông qua công ước về luật biển năm 1958; và giai đoạn 2 là từ hội nghị quốc tế lần 3 về luật biển 1973-1982 (Xem.: Gusuliac V.N. Luật biển. M., 2000. Tr.7)

⁽¹¹⁾ Tìm đọc thêm: Gureeva S.A. Giáo trình Luật biển quốc tế. M., 2003; Colosova U.M và Cudonhesov V.I. Luật quốc tế. M., 1955. -Tr.457-459; Tuncin G.I. Luật quốc tế. M., 1982. -Tr. 413-415; Basegov U.G. Đại dương: pháp luật, chính trị và ngoại giao. M., 1983. -Tr. 87-96; Labrecque Georges. Les Frontieres Maritimes Internationales. Geopolitique de la delimitation en mer. Collection Raoul-Dandurand. France-Hongrie-Italie. Paris, 2004; Clingan Thomas A. Maritime Boundary// The Law of the Sea. Ocean Law and Policy. New York; Oxford, 1994. P.225-229; Elferink Alex G. Oude. The Law and Politics of the Maritime Boundary Delimitations of the Russian Federation. Part 2//The International Journal of Marine and Coastal Law. 1997. Vol. 12. No1. P.5-35; Duff John A. A Note on the United States and the Law of the Sea: Looking Back and Moving Forward// Ocean Dovelopment and International Law. 2004. Vol.35.ã3. P. 195-219; Rosenne Shabtai. Geography in International Maritime Boundary-Making// Law of the Sea/ Ed. by Hugo Caminos. England, 2001. P.225-240; Kwiatkowska Barbara. Equitable Maritime Boundary Delimitation - A Legal Perspective// Law of the Sea/ Ed. by Hugo Caminos. England, 2001. P.241-260.

với các tính chất pháp lý cơ bản khác nhau: 1). Loại thứ nhất, các vùng biển là một phần lãnh thổ không tách rời của quốc gia ven biển, mà trong đó có sự hiện diện chủ quyền của quốc gia ven biển (như: vùng nội thủy được ghi nhận tại Điều 5 Công ước năm 1958 và khoản 1 Điều 8 Công ước năm 1982; vùng lãnh hải được ghi nhận tại Điều 12 Công ước năm 1982); 2). Loại thứ hai, vùng biển không là một phần lãnh thổ của quốc gia ven biển, nhưng lại thuộc quyền tài phán của quốc gia đó (vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa); và 3). Loại thứ ba, đó là vùng biển không thuộc chủ quyền và không thuộc quyền tài phán của bất kỳ quốc gia nào (đó là biển cả hay còn gọi là biển quốc tế).

Cần nhấn mạnh rằng, chế độ pháp lý của các vùng biển được phân chia nói trên không giống nhau. Chẳng hạn như, trong vùng lãnh hải khác với vùng nội thủy là có sự qua lại vô hại của tàu thuyền nước ngoài (quyền qua lại vô hại cần được thực hiện phù hợp với quy định tại Điều 17 Công ước năm 1982 và Điều 14 Công ước năm 1958. Quyền qua lại vô hại này tương tự như thương quyền về tự do bay trên lãnh thổ ký kết không kèm hạ cánh - hay còn gọi là quyền qua lại vô hại trong luật hàng không dân dụng quốc tế). Trong vùng tiếp giáp thì các quốc gia ven biển thực hiện quyền kiểm tra các hoạt động trên biển trong một số lĩnh vực nhất định (Điều 33). Còn vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa thì quốc gia ven biển được thực hiện quyền chủ quyền quốc gia theo quy định tại Điều 77 Công ước năm 1982 và khoản 1 Điều 26 Công ước năm 1958, ví dụ trong vùng thềm lục địa thì quyền của quốc gia ven biển có tính đặc quyền, tức là các quốc gia khác không có quyền thăm dò, khai thác nguồn tài nguyên ở thềm lục địa nếu quốc gia ven biển không cho phép.

Như vậy, trong Luật quốc tế đã xuất hiện quy chế pháp lý hỗn hợp đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, vì ở đó có sự hiện diện quyền chủ quyền quốc gia ven biển và các quy phạm của Luật biển quốc tế định trong Công ước năm 1982. Tất cả



với việc thông qua phân loại các vùng biển thì các vấn đề về eo biển, kênh, nước quần đảo, kể cả Bắc cực và Nam cực cũng vị trí đặc biệt quan trọng trong Công ước.

Như vậy, phân loại pháp lý các vùng biển kết thúc bằng việc thông qua Công ước năm 1982, trong đó ghi nhận cụ thể quyền của các quốc gia đối với các vùng biển và quy chế pháp lý đối với từng vùng. Cộng đồng quốc tế đã đạt được mục đích xây dựng được văn bản thành văn về các hoạt động ở thế giới đại dương.

4. Công ước năm 1982⁽¹²⁾ và ý nghĩa của nó đối với Việt Nam

Dưới sự bảo trợ của Tổng thư ký LHQ và sự tham gia trực tiếp của Ủy ban về đại dương và Luật biển của LHQ (Division for Ocean Affairs and the Law of the Sea) nên việc áp

⁽¹²⁾ Tìm đọc thêm: Scott Shirley V. Convention as a Constitutional Regime for the Oceans// Stability and Change in the Law of the Sea: The Role of the LOS Convention/ Ed. By Alex G. Oude Elferink. Leiden; Boston, 2005. P.9-38; Treves Tullio. The General Assembly and the Meeting of States Parties in the Implementation of the LOS Convention//Ibid. P.55-74; Churchill R.R. The Impact of State Practice on the Jurisdictional Framework contained in the LOS Covention//Ibid. P.9-144; Freestone David, Elferink Alex G. Oude. Flexibility and Innovation in the Law of the Sea – Will the LOS Convention Amendment Procedures Ever Be Used?//Ibid. P.169-222; Joyner Christopher C., Martell Elizabeth. Looking Back to see Ahead: UNCLOS III and Lessons for Global Commons Law//International Law. Classic and Contemporary Readings/Ed. by Charlotte Ku and Paul F. Diehl. London, 2003. P.441-469; Boyle Alan E. Further development of the Law of the Sea Convention: mechanisms for change// International and Comparative Law Quarterly. 2005. No54 (3). P.563-584; Song Yann-Huei. Declarations and Statements with respect to the 1982 UNCLOS: potential legal disputes between the United States and China after U.S. accession to the Convention// Ocean Development and International Law. 2005. No36 (3). P. 261-289; Treves Tullio. The Law of the Sea Convention. Ten Years after Entry into Force: Positive Developments and Reasons for Concern// Bringing New Law to Ocean Waters/Ed. by David D. Caron, Harry N. Scheiber. Leiden; Boston. 2004, Vol.47. P.349-354; Calotcin A.L. Công ước Liên hợp quốc về Luật biển: Ý nghĩa và các quan điểm mới trong áp dụng/Luật quốc tế. 2001. số 4 (13).

dụng Công ước năm 1982 ở các quốc gia luôn nhận được sự tham vấn từ các tổ chức chuyên môn. Nhưng, thực tiễn cho thấy Công ước năm 1982 còn thiếu các quy phạm dự báo về các yếu tố pháp lý cấu thành tội phạm có tính chất khủng bố và các biện pháp đấu tranh chống khủng bố. “Chỗ đột” này đã được bổ sung trong Công ước về đấu tranh với các hành vi chống lại an ninh hải vận và trong Nghị định thư về đấu tranh với các hành vi chống an ninh cảng tàu ở thêm lục địa năm 1988. Vì hoạt động của các quốc gia ở thế giới đại dương ngày càng đa dạng và phức tạp, theo chúng tôi, cộng đồng quốc tế cần phải bổ sung và hoàn thiện các loại văn bản này⁽¹³⁾.

Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, năm 1994⁽¹⁴⁾ Việt Nam đã gia nhập Công ước năm 1982 và khẳng định chủ quyền đối với vùng nội thủy và vùng lãnh hải, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Việt Nam là một quốc gia ven bờ biển Đông, vùng biển của Việt Nam án ngữ trên các tuyến hàng hải và hàng không huyết mạch giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa các châu: Âu, Phi, Trung cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản và các nước trong khu vực. Biển Đông cũng là một trong 6 biển lớn nhất của thế giới với diện tích 3.447.000km², là vùng biển nửa kín⁽¹⁵⁾, được bao bọc bởi 9 quốc gia: Trung Quốc, Việt Nam, Philippines, Malaysia, Indonesia, Brunei, Campuchia, Singapore và

⁽¹³⁾ Hiện nay đã có 13 Công ước quốc tế có định hướng chống khủng bố.

⁽¹⁴⁾ Đọc thêm: Tuyên bố ngày 12/5/1977 của Chính phủ Việt Nam về lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, Việt Nam thiết lập vùng đặc quyền kinh tế là 200 hải lý; Tuyên bố ngày 12/11/1982 của Chính phủ Việt Nam về đường cơ sở.

⁽¹⁵⁾ Theo điều 122 Công ước năm 1982 thì biển kín hay biển nửa kín là một vịnh, một vũng hay một vùng biển do hai hay nhiều quốc gia bao bọc xung quanh và thông với một biển khác hay với đại dương qua một cửa | hoàn toàn chủ yếu do các lãnh hải và các vùng kinh tế của nhiều quốc gia tạo thành.



Thailand. Đây cũng là vùng biển có nhiều tiềm năng về nguồn tài nguyên thiên nhiên nên đã từ lâu là đối tượng tranh chấp không chỉ của các quốc gia trong khu vực ASEAN mà còn có sự tham gia tích cực của một số quốc gia khác trên thế giới, do đó luôn tiềm ẩn nguy cơ xung đột, đe dọa hoà bình, ổn định và phát triển bền vững trong khu vực và xa hơn là trên toàn thế giới. Việc gia nhập Công ước năm 1982 đối với Việt Nam là vô cùng quan trọng, vì mọi vấn đề về tranh chấp biển, về vùng chồng lấn trên biển và thềm lục địa ở biển Đông sẽ được giải quyết trên cơ sở Công ước năm 1982 và các văn bản pháp lý quốc tế hiện hành. Trong Nghị quyết của Quốc hội Việt Nam ngày 23/6/1994 về phê chuẩn Công ước năm 1982 đã ghi nhận mọi tranh chấp sẽ được giải quyết trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của các quốc gia ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Cần nhấn mạnh rằng, vận tải biển của Việt Nam chiếm trên 80% lưu lượng hàng hoá xuất nhập khẩu, nên để nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế thì Việt Nam phải tuân thủ và thực thi các quy phạm Luật quốc tế, các quy phạm trong các Công ước về Luật biển. Trong đó, quan trọng nhất là Công ước năm 1982 và một số các Công ước khác về bảo vệ môi trường biển, về đảm bảo quyền lợi cho các tổ chức vận tải và đánh cá. Ngoài ra, Việt Nam cần tham gia vào các điều ước, các công ước và các thoả thuận quốc tế mới.

Đại hội đồng LHQ, trong các nghị quyết hàng năm của mình về đại dương và về Luật biển đều kêu gọi các quốc gia điều chỉnh, sửa đổi pháp luật của quốc gia mình cho phù hợp với định chế của Công ước năm 1982. Điều đó đã được nhấn mạnh trong tuyên bố của thẩm phán Toà án biển quốc tế về thả lạt tức vụ “Juno Trader”⁽¹⁶⁾.

⁽¹⁶⁾ Declaration of Judge Kolodkin. Case No13. The “Juno Trader” Case (Saint Vincent and the Grenadines v.

Guinea-Bissau), Prompt Release. Judgme December 2004// www.itlos.org/start2_en.html

Chính vì vai trò đặc biệt quan trọng của Công ước năm 1982 đối với con người ở đại dương, nên chúng tôi tạm mượn câu nói của giáo sư-chuyên gia Luật quốc tế Duff John để thay cho lời kết của bài viết, đó là chính phủ Mỹ cần phải phê chuẩn Công ước năm 1982 vì Công ước này có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau như: an ninh quốc gia, triển vọng quốc phòng, ngoại giao, thương mại biển, các định hướng nghiên cứu khoa học biển, các quan điểm về khả năng phân định thềm lục địa, triển vọng công nghệ, công nghiệp và vấn đề về bảo vệ môi trường [7].

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Văn Bính, Tiêm cận các quy phạm Luật quốc tế, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Kinh tế-Luật 24 (2008) 93.
- [2] I.A. Brounli, *Luật quốc tế*, Quyển 1, M., 1977; A.L. Calotcin, *Đại dương, Chế độ pháp lý quốc tế, Những vấn đề cơ bản*, M., 1973.
- [3] U.G. Basegov, *Đại dương: pháp luật, chính trị và ngoại giao*, M., 1983.
- [4] G.I. Cudieucov, *Luật quốc tế*, Phần chung, Cadan, 2007.
- [5] D.D. Larson, Conventional, Customary, and Consensual Law in the United Nations Convention on the Law of the Sea, *Ocean Development and International Law* 25 (1994) 83; D.A. Govrilin, Những vấn đề lý luận trong thực hiện Công ước Luật biển 1982 trong hệ thống pháp luật Nga, *Tạp chí Luật Quốc tế* 4 (2001) 179.
- [6] A.L. Calotcin, Công ước Liên hợp quốc về Luật biển: Ý nghĩa và các quan điểm mới trong áp dụng, *Tạp chí Luật quốc tế* 4 (2001) 383.
- [7] A. Duff John, A Note on the United States and the Law of the Sea: Looking Back and Moving Forward, *Ocean Development and International Law* 35 (2004) 195.



Ocean and modern international Law

Le Van Binh

*School of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Learning about ocean and the legal regulations on it from the aspect of modern international law is of great significance, because ocean not only accounts for three quarters of the Earth's surface area, but also is life and danger to mankind. That is why we choose the topic "Ocean and modern international law" to discuss with readers.

